

**BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH
ĐẮK NÔNG**

**NỘI DUNG VỀ CÁC CHẾ ĐỘ
BẢO HIỂM XÃ HỘI**

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM



Cơ sở pháp lý

1. Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014;

2. Nghị quyết Số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách BHXH 1 lần đối với người lao động;

3. Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

4. Nghị định 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện;

5. Thông tư 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động Thương binh và xã hội quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc;

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Các hành vi bị cấm

1. Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp.
2. Chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
3. Chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
4. Gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
5. Sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp không đúng pháp luật.
6. Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người sử dụng lao động.
7. Truy cập, khai thác trái pháp luật cơ sở dữ liệu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.
8. Báo cáo sai sự thật; cung cấp thông tin, số liệu không chính xác về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

CHẾ ĐỘ ỒM ĐAU

1. Điều kiện hưởng:

- Người lao động đang tham gia BHXH bị ốm đau, tai nạn không phải TNLĐ, BNN hoặc TNLĐ, BNN tái phát phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở y tế;

- Phải nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau dưới 7 tuổi và có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền.

- Lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con mà thuộc các trường hợp trên

Không được hưởng:

- Tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy.

- Điều trị lần đầu do TNLĐ, BNN.

- Bị ốm đau, tai nạn trong thời gian: nghỉ phép năm, nghỉ việc riêng, nghỉ không lương, nghỉ hưởng chế độ thai sản.

CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

2. Người lao động bị ốm đau không phải bệnh dài ngày

2.1 Thời gian hưởng:

Người lao động bị ốm đau, không phải bệnh dài ngày	Đóng BHXH dưới 15 năm	Đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm	Đóng BHXH từ đủ 30 năm trở lên
Điều kiện làm việc bình thường	30 ngày	40 ngày	60 ngày
Việc xác định người lao động làm nghề NN, ĐH, NH để tính thời gian hưởng chế độ ốm đau căn cứ vào sổ đăng công, việc độc hại, nguy hiểm, PCKV 0.7 trở lên	40 ngày	50 ngày	70 ngày

2.2 Mức hưởng :

$$\text{Mức hưởng} = \frac{\text{Tiền lương tháng đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc} \times 75\% \times \text{Số ngày nghỉ việc}}$$

3. Người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày

3.1 Thời gian hưởng: hết 180 ngày mà vẫn ốm thì được hưởng tiếp nhưng tối đa bằng thời gian thăm gia BHXH.

3.2 Mức hưởng: t là tỷ lệ hưởng theo số năm đóng BHXH

$$\text{Mức hưởng chế độ ốm đau} = \frac{\text{Tiền lương tháng đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc} \times t\% \times \text{Số tháng nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau}}$$

Mức

hưởng chế độ ốm đau dài ngày

=

Tiền lương đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc

x **t %**
x

Số ngày nghỉ việc được hưởng chế độ ốm đau

24 ngày

(ngày y lễ)

	Đóng BHXH dưới 15 năm	Đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 30 năm	Đóng BHXH từ đủ 30 năm trở lên
t %	50%	55%	65%

4. Người lao động nghỉ trông con dưới 7 tuổi bị ốm:

Thời gian hưởng:

	Con dưới 3 tuổi	Con từ 3 đến dưới 7 tuổi
Thời gian nghỉ hưởng trong 1 năm	20 ngày làm việc	15 ngày làm việc

Mức hưởng :

Mức hưởng chế độ trông con ốm

=

Tiền lương tháng đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc

24 ngày

x 75%

Số ngày nghỉ việc được hưởng chế độ ốm⁸

5. Lưu ý:

- Mức hưởng chế độ ốm đau không được điều chỉnh khi Chính phủ điều chỉnh lương tối thiểu vùng, lương cơ sở.
- Người lao động nghỉ việc do ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng BHXH. Thời gian này không tính hưởng BHXH

6. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau ốm đau:

Người lao động đã hưởng chế độ ốm đau từ đủ 30 ngày trở lên trong năm, trong khoảng thời gian 30 ngày kể từ khi người lao động trở lại làm việc mà sức khỏe chưa hồi phục.

Nếu có thời gian từ năm trước chuyển sang thì thời gian nghỉ đó tính cho năm trước.

	Thời gian hưởng	Mức hưởng 01 ngày
Bệnh dài ngày	10 ngày	= 30 % lương cơ sở. (= 417.000
Bệnh phải	7 ngày	

CHẾ ĐỘ THAI SẢN

1. Đối tượng:

Người lao động quy định tại điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 điều 2

2. Điều kiện hưởng:

- a. Lao động nữ mang thai;
- b. **Lao động nữ sinh con;**
- c. **Lao động nữ mang thai hộ và người mẹ nhờ mang thai hộ;**
- d. **Người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi;**
- đ. Lao động nữ đặt vòng tránh thai, người lao động thực hiện biện pháp triệt sản;
- e. Lao động nam đang đóng BHXH có vợ sinh con.

Các trường hợp b,c,d phải đóng BHXH từ đủ 6 tháng trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi. Trong trường hợp b, c được chỉ định nghỉ dưỡng thai thì phải đóng BHXH từ đủ 3 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con

3. Thời gian hưởng:

3.1. Khám thai:

Trong thời gian mang thai, lao động nữ được đi khám thai 5 lần, mỗi lần 1 ngày; trường hợp xa cơ sở y tế hoặc thai có bệnh lý hoặc thai không bình thường thì được nghỉ 2 ngày/1 lần khám thai.

Thời gian nghỉ tính theo ngày làm việc.

3.2. Sảy thai, nạo thai, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý:

Tuổi thai (tính tuần)	Dưới 5	Từ 05 - dưới 13	Từ 13 - dưới 25	Từ 25 trở lên
Thời gian hưởng	10 ngày	20 ngày	40 ngày	50 ngày

3.3. Khi thực hiện biện pháp tránh thai:

- Đặt vòng tránh thai: nghỉ 7 ngày;
- Triệt sản: nghỉ 15 ngày;

Thời gian nghỉ tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

3.4. Khi sinh con:

Lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh 6 tháng trong đó thời gian nghỉ trước khi sinh không quá 2 tháng. Sinh đôi trở lên, cứ mỗi con nghỉ thêm 1 tháng.

Lao động nam đang đóng BHXH có vợ sinh con được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như sau:

05 ngày làm việc	07 ngày làm việc	10 ngày làm việc	14 ngày làm việc
Sinh thường	- Sinh con phải phẫu thuật - Sinh con dưới 32 tuần tuổi	- Sinh đôi. - Sinh 3 trở lên, cứ 01 con nghỉ thêm 03 ngày	Sinh đôi phải phẫu thuật

4. Mức hưởng:

Mức hưởng khi sinh con hoặc nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi	=	Mức bình quân tiền lương đóng BHXH 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc	x 100% x	số tháng nghỉ việc sinh con , nuôi con nuôi
khám thai, lao động nam nghỉ việc	=	BHXH 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc	x 100% x	Số ngày nghỉ
Mức hưởng khi sảy, nạo, hút, phá thai bệnh lý, đặt	=	Mức bình quân tiền lương đóng BHXH 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc	x 100% x	Số ngày nghỉ

5. Các lưu ý

1.- Thời gian nghỉ việc trước và sau khi sinh không quá 6 tháng:

+ Trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước khi sinh mà thai chết lưu, nếu đủ điều kiện (đóng 6 tháng) thì ngoài chế độ thai sản đối với thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản trước khi sinh, lao động nữ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ thời điểm thai chết lưu.

+ LĐ nữ nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh, sau khi sinh con mà con bị chết, nếu đủ điều kiện (đóng 6 tháng) thì ngoài chế độ thai sản đối với thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản trước khi sinh, còn hưởng chế độ thai sản do con chết. (con dưới 02 tháng tuổi bị chết thì mẹ được nghỉ việc 04 tháng tính từ ngày sinh con; nếu con từ 02 tháng tuổi trở lên bị chết thì mẹ được nghỉ việc 02 tháng tính từ ngày con chết, nhưng thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản không vượt quá 6 tháng)

2. - Trường hợp sau khi sinh con, mẹ chết:

Tham gia BHXH		Đối tượng hưởng	Thời gian hưởng	Mức hưởng
Cha	Mẹ			
Không	Có	Cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng	Thời gian còn lại của mẹ	Mức bq tiền lương tháng đóng BHXH 6 tháng của mẹ
Có	Có		Được nghỉ việc hưởng chế độ TS đối với thời gian còn lại của mẹ	Mức bq tiền lương đóng BHXH 6 tháng của cha
Không	Có nhưng không đủ điều kiện		Cho đến khi con đủ 6 tháng	Mức bq tiền lương các tháng đóng BHXH của mẹ
	Có			Mức bq tiền

3.- Thời gian đóng BHXH để tính điều kiện hưởng trợ cấp thai sản của lao động nữ sinh con, lao động nữ mang thai hộ, người mẹ nhờ mang thai hộ và người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 6 tháng tuổi:

a) Trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi trước ngày 15 của tháng, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi không tính vào thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi.

b) Trường hợp sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi từ ngày 15 trở đi của tháng và tháng đó có đóng bảo hiểm xã hội, thì tháng sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi được tính vào thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi. Trường hợp tháng đó không đóng bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định.

Ví dụ: Tháng 8/2017, chị B chấm dứt hợp đồng lao động và sinh con ngày 14/12/2017, thời gian 12 tháng trước khi sinh con được tính từ tháng 12/2016 đến tháng 11/2017.

4. Điều kiện hưởng trợ cấp một lần khi sinh con được hướng dẫn cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp chỉ có cha tham gia bảo hiểm xã hội thì cha phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con;

b) Đối với người chồng của người mẹ nhờ mang thai hộ phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 06 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con.

5. Trong thời gian đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con: mà lao động nữ phải nghỉ việc để khám thai, sảy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý, thực hiện các biện pháp tránh thai thì được hưởng chế độ thai sản theo quy định.

Điều kiện lao động nữ được đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ thai sản theo quy định

Lao động nữ có thể đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ sinh con hoặc con chết sau khi sinh con khi có đủ điều kiện sau đây:

- + Sau khi đã nghỉ ít nhất 4 tháng;
- + Phải báo trước và được người sử dụng lao động đồng ý;

Ngoài tiền lương, tiền công của những ngày đi làm việc, lao động nữ còn được hưởng trợ cấp thai sản đến hết thời hạn theo quy định.

6. Chế độ thai sản đối với lao động nữ mang thai hộ

1. Khám thai; Sảy thai, nạo thai, hút thai, thai chết lưu, phá thai bệnh lý : tương tự lao động nữ đang đóng BHXH bắt buộc
2. Thai sản: Nếu đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 (đóng đủ 6 tháng trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con) hoặc khoản 3 điều 31 Luật BHXH (đóng đủ 3 tháng trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con) thì được trợ cấp thai sản.
3. Nghỉ việc hưởng thai sản cho đến khi giao con nhưng không quá 6 tháng (nếu sinh 1 con). Trường hợp kể từ thời điểm sinh con đến thời điểm giao con hoặc thời điểm con chết chưa đủ 60 ngày thì được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản đến khi đủ 60 ngày.
4. Nghỉ dưỡng sức Phục hồi sức khỏe.
5. Chồng đang đóng BHXH vào quỹ OĐ, TS cũng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản.

6. Chế độ thai sản đối với lao động nữ nhờ mang thai hộ

Người mẹ nhờ mang thai hộ có đóng BHXH từ đủ 6 tháng trong thời gian 12 tháng tính đến thời điểm nhận con thì được trợ cấp thai sản:

- Trợ cấp 1 lần cho mỗi con bằng 2 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con **nếu lao động nữ mang thai hộ không tham gia BHXH hoặc không đủ điều kiện.**

- Nếu lao động nữ (cả mang thai hộ và nhờ mang thai hộ) không tham gia BHXH hoặc không đủ điều kiện đóng BHXH thì người chồng của người nhờ mang thai hộ có đóng BHXH sẽ được trợ cấp 2 tháng lương cơ sở cho mỗi con.

- Nghỉ việc hưởng thai sản từ thời điểm nhận con đến khi con đủ 6 tháng, nếu sinh đôi cứ thêm 1 con thì nghỉ thêm 1 tháng.

6. Chế độ thai sản đối với lao động nữ nhờ mang thai hộ

- Trường hợp người mẹ nhờ mang thai hộ chết hoặc không đủ sức khỏe chăm sóc con chưa đủ 6 tháng tuổi thì người chồng hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng nếu không nghỉ việc thì ngoài tiền lương còn được hưởng chế độ thai sản đối với thời gian còn lại của người mẹ nhờ mang thai hộ.
- Trường hợp con chết thì người mẹ nhờ mang thai hộ được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản: (con dưới 2 tháng chết -> nghỉ 4 tháng tính từ ngày con sinh; con trên 2 tháng chết -> nghỉ 2 tháng tính từ ngày con chết)

7. Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản

Trong khoảng thời gian 30 ngày đầu trở lại làm việc sau thời gian hưởng chế độ khi sảy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu **hoặc** sau khi hết thời gian hưởng chế độ sinh con **hoặc** sau khi sinh con mà con chết, sức khỏe chưa hồi phục.

Đủ điều kiện nghỉ DSPHSK năm nào thì tính cho năm đó.

	Thời gian hưởng	Mức hưởng 01 ngày
Sinh một lần từ 2 con	10 ngày	= 30% Lương cơ sở = (417.000 đồng/ngày)
Sinh phải phẫu thuật	7 ngày	
Trường hợp khác	5 ngày	

TAI NẠN LAO ĐỘNG, BỆNH NGHỀ NGHIỆP

- - Luật số: 84/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.
- - Các quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Mục 3 Chương III, khoản 4 Điều 84, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 86, các điều 104, 105, 106, 107, 116 và 117 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- *** Đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**
- Trường hợp người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động thì người sử dụng lao động phải đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo từng hợp đồng lao động đã giao kết nếu người lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH bắt buộc. Khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì người lao động được giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo nguyên tắc đóng, hưởng do Chính phủ quy định

- * **Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động**
- Người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ tai nạn lao động khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - - Bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc, kể cả khi đang thực hiện các nhu cầu sinh hoạt cần thiết tại nơi làm việc hoặc trong giờ làm việc mà Bộ luật lao động và nội quy của cơ sở sản xuất, kinh doanh cho phép, bao gồm nghỉ giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, làm vệ sinh kinh nguyệt, tắm rửa, cho

- *** Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động**
- + Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động hoặc người được người sử dụng lao động ủy quyền bằng văn bản trực tiếp quản lý lao động;
- + Trên tuyến đường đi từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc từ nơi làm việc về nơi ở trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý;
- - Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị tai nạn quy định trên

- * **Điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp**
- - Người lao động tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - + Bị bệnh nghề nghiệp thuộc Danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này;
 - + Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh quy định tại điểm a khoản này.

- * **Điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp**
- - Người lao động khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp thuộc Danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Luật này mà phát hiện bị bệnh nghề nghiệp trong thời gian quy định thì được giám định để xem xét, giải quyết chế độ theo quy định của Chính phủ.

- *** Giám định mức suy giảm khả năng lao động**
- - Đối với trường hợp thương tật hoặc bệnh nghề nghiệp không có khả năng điều trị ổn định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế thì người lao động được làm thủ tục giám định trước hoặc ngay trong quy trình điều trị.
- *** Dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật**
- Mức hưởng 01 ngày bằng 30% mức lương cơ sở.

CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

1. Đối tượng: Người đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH

2. Điều kiện hưởng:

2.1 Lao động nữ hoạt động không chuyên trách ở xã phường thị trấn đóng BHXH từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm

2.2 Lao động đang tham gia BHXH mà đóng BHXH từ đủ 20 năm trở lên và thuộc 1 trong các trường hợp sau đây:

Tuổi		Thời gian đóng BHXH	Điều kiện khác
Na m	Nữ		
60	55	20 năm	
55	50		15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, PCKV 0,7
50			15 khai thác hầm lò
Không giới hạn tuổi			Nhiễm HIV/AIDS do rủi ro bệnh nghề nghiệp

Điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động

Từ	Điều kiện				
	Tuổi		Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động	Thời gian đóng BHXH	Khác
	Nam	Nữ			
01/2016	51	46	61% - > 80%	20	
01/2017	52	47			
01/2018	53	48			
01/2019	54	49			
01/2020					

3. Tỷ lệ hưởng lương hưu

Lao động	Từ	Số năm đóng BH XH	Tỷ lệ hưởng lương hưu			Mỗi năm nghỉ trước tuổi			Mức lương hưu tối thiểu
			Tỷ lệ tương ứng	Tỷ lệ thêm 1 năm	Tỷ lệ tối đa	Tỷ lệ trừ	Tháng lẻ		
							≤ 6	> 6	
Nam	01/2016	15		2%			- 2%		
Nữ	12/2017			3%					
Nam	01/2018	16	45%	2%	75%		- 2%	- 1%	Không bị trừ
	01/2019	17							
	01/2020	18							
	01/2021	19							
	01/2022	20							
Nữ	01/2018	15							

4. Cách tính lương hưu:

Lương hưu = Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH x tỷ lệ % lương hưu.

Trong đó: Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu tính như sau:

a) Đối với người có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do nhà nước quy định:

$$M = \frac{\text{Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của } t \text{ năm cuối trước khi nghỉ việc}}{\text{(} t \times 12 \text{) tháng}}$$

t	Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội
= 5	Tham gia BHXH trước ngày 01/01/1995
= 6	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/1995 đến 31/12/2000.
= 8	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/2001 đến 31/12/2006.
= 10	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian từ 01/01/2007 đến 31/12/2015.
=	Tham gia BHXH trong khoảng thời gian

b) Đối với người lao động có toàn bộ thời gian đóng BHXH theo tiền lương do người sử dụng lao động quyết định đi:

Tổng số tiền lương tháng đóng
BHXH

M_{bqtl} Tổng số tháng đóng BHXH

c) (tiền lương được x với hệ số trượt giá do CP quy định)
Đối với người lao động vừa có thời gian đóng BHXH theo tiền lương do người sử dụng lao động quyết định vừa có thời gian đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định:

M_{bqtl} = Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH theo chế độ tiền lương do Nhà nước quy định + Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định

5. Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu

5.1 Thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 tháng liền kề sau tháng sinh của năm mà người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Ví dụ: Ông A sinh ngày 01/1/1958, làm việc trong điều kiện bình thường. Thời điểm ông A đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu là ngày 01/2/2018.

5.2 Trường hợp tháng sinh là tháng 12 thì thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là ngày 01 của tháng 01 năm liền kề sau năm mà người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Ví dụ: Ông M sinh ngày 01/12/1958, làm việc trong điều kiện bình thường. Thời điểm ông M đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu là ngày 01/01/2019.

5. Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu

5.3 Thời điểm đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu đối với trường hợp không xác định được ngày sinh, tháng sinh (chỉ ghi năm sinh) là ngày 01 tháng 01 của năm liên kế sau năm người lao động đủ điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu.

Ví dụ: Bà C làm việc trong điều kiện bình thường, trong hồ sơ chỉ ghi sinh năm 1962. Thời điểm bà C đủ điều kiện về tuổi để hưởng lương hưu là ngày 01/01/2018.

5.4 Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu khi suy giảm khả năng lao động đối với người có đủ điều kiện về tuổi đời và thời gian đóng BHXH được tính từ ngày 01 tháng liên kế sau tháng có kết luận bị suy giảm khả năng lao động.

Ví dụ: Bà D sinh ngày 10/5/1965, có thời gian đóng BHXH bắt buộc là 23 năm. Ngày 05/7/2016, Hội đồng Giám định y khoa kết luận bà D bị suy giảm KNLĐ 61%. Thời điểm bà D đủ điều kiện hưởng lương hưu là ngày 01/8/2016.

5. Thời điểm đủ điều kiện hưởng lương hưu

5.4 Người lao động đủ điều kiện về tuổi hưởng lương hưu mà thời gian đóng BHXH bắt buộc còn thiếu tối đa 06 tháng thì được đóng một lần cho số tháng còn thiếu theo mức tiền lương tháng đóng BHXH trước khi nghỉ việc vào quỹ hưu trí và tử tuất để hưởng lương hưu. Người lao động được hưởng lương hưu tại tháng đủ điều kiện về tuổi hưởng lương hưu và đã đóng đủ BHXH cho số tháng còn thiếu.

Ví dụ: Ông C sinh tháng 3/1956, làm việc trong điều kiện bình thường, đến hết tháng 3/2016 ông C có 19 năm 7 tháng đóng bảo hiểm xã hội. Trường hợp ông C đóng một lần cho 5 tháng còn thiếu vào tháng 4/2016 thì ông C được hưởng lương hưu từ tháng 4/2016.

Trường hợp ông C đến tháng 7/2016 mới đóng một lần cho 5 tháng còn thiếu thì được hưởng lương hưu từ tháng 7/2016.

Mức điều chỉnh tiền lương tháng đóng BHXH năm 2016

Năm	Trước											
	1995	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005
Mức điều chỉnh	4,29	3,64	3,44	3,33	3,09	2,96	3,01	3,02	2,91	2,82	2,62	2,42
Năm	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	
Mức điều chỉnh	2,25	2,08	1,69	1,58	1,45	1,22	1,12	1,05	1,01	1,00	1,00	

Mức điều chỉnh thu nhập tháng đóng BHXH tự nguyện năm 2016

Năm	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Mức điều chỉnh	1,69	1,58	1,45	1,22	1,12	1,05	1,01	1,00	1,00

6. Tạm dừng, hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng

Tạm dừng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng:

- Xuất cảnh trái phép;
- Bị Tòa án tuyên bố mất tích;
- Có căn cứ xác định hưởng BHXH không đúng quy định.

Hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng:

- Người xuất cảnh trở về định cư hợp pháp;
 - Có quyết định của TA hủy bỏ tuyên bố mất tích;
- Người bị tòa án tuyên bố mất tích sau đó tuyên bố là đã chết thì thời gian tạm dừng từ lúc tuyên bố mất tích đến lúc chết không được truy lĩnh lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng.

V. TRỢ CẤP BHXH 1 LẦN

1. Điều kiện hưởng:

- Đủ tuổi hưởng lương hưu nhưng **đóng BHXH chưa đủ 20 năm**;
- Sau một năm nghỉ việc nếu không đóng BHXH và có yêu cầu nhận trợ cấp BHXH 1 lần mà **chưa đủ 20 năm đóng BHXH** (theo Nghị quyết 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015)
- Người đang bị mắc một trong những bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, phong, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế;
- Ra nước ngoài để định cư.

V. TRỢ CẤP BHXH 1 LẦN

2. Mức hưởng:

Tính theo số năm đã đóng BHXH, cứ mỗi năm được tính như sau:

= 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho những năm đóng trước năm 2014;

= 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH cho những năm đóng từ năm 2014 trở đi;

Nếu thời gian đóng BHXH có tháng lẻ: từ 1-6 tháng tính $\frac{1}{2}$ năm; từ 7-11 tháng tính 1 năm.

Trường hợp thời gian đóng bảo hiểm xã hội chưa đủ một năm thì mức hưởng bằng 22% số tiền đã đóng, mức tối đa bằng 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

SO SÁNH BHXH 1 LẦN VÀ HƯU TRÍ

Lợi ích của hưởng lương hưu so với trợ cấp BHXH 1 lần:

Giả định người lao động về hưu năm 2016, có 20 năm đóng BHXH mức bình quân tiền lương đóng BHXH là 4 triệu đồng.

Không tính tác động của các yếu tố: tỷ lệ lạm phát, tốc độ tăng lương, lãi suất đầu tư quỹ BHXH

Nếu hưởng BHXH 1 lần: Nam và nữ đều hưởng mức 124 triệu đồng.

SO SÁNH BHXH 1 LẦN VÀ HƯU TRÍ

Nếu hưởng lương hưu:

➤ Lao động nam

Tỷ lệ hưởng lương hưu (20 năm) = 55%.

Lương hưu hàng tháng: 4 triệu x 55% = 2,2 triệu/ tháng.

Kỳ vọng sống của nam giới ở độ tuổi 60 là 18,1 năm (217 tháng) thì lương hưu nhận được đến khi chết là:

Σ lương hưu = 217 tháng x 2,2 = 474,4 triệu đồng.

➤ Lao động nữ

Tỷ lệ hưởng lương hưu (20 năm) = 60%.

Lương hưu hàng tháng: 4 triệu x 60% = 2,4 triệu/ tháng.

Kỳ vọng sống của nữ giới ở độ tuổi 55 là 24,5 năm (294 tháng) thì lương hưu nhận được đến khi chết là:

Σ lương hưu = 294 tháng x 2,4 = 706 triệu đồng.

SO SÁNH BHXH 1 LẦN VÀ HƯU TRÍ

Nếu hưởng lương hưu:

Mua thẻ BHYT: 4,5%: gần 21,5 triệu đồng (đối với nam) và gần 29,1 triệu đồng (đối với nữ).

Khi chết hưởng mai táng phí: 10 tháng lương cơ sở = 11,5 triệu đồng.

Tuất 1 lần (mức thấp nhất) = $3 \times 2,2$ triệu = 6,6 triệu đồng.

Tổng các khoản:

Nam: 516 triệu đồng; Nữ: 742 triệu đồng.

So sánh

Giới tính	Hưởng BHXH 1 lần	Hưởng lương hưu hàng tháng
Nam	124 triệu đồng	516 triệu đồng

CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT

1. Đối tượng hưởng trợ cấp mai táng:

- Người đang tham gia hoặc đang bảo lưu mà đóng BHXH từ đủ 12 tháng trở lên;
 - Người đang hưởng lương hưu, hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hàng tháng đã nghỉ việc.
 - Người chết do TNLĐ, BNN hoặc chết trong thời gian điều trị TNLĐ, BNN
- * Những trường hợp nêu trên bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp mai táng.

2. Mức hưởng:

Người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương cơ sở (hiện nay là 13.900.000 đồng)

Ngoài ra thân nhân được xét hưởng tuất hàng tháng hoặc tuất 1 lần.

3. Chế độ tuất hàng tháng:

3.1 Điều kiện:

- a. Đã đóng BHXH đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng trợ cấp BHXH 1 lần;
- b. Đang hưởng lương hưu; MSLĐ hàng tháng
- c. Chết do TNLĐ, BNN (kể cả chết trong thời gian điều trị lần đầu);
- d. Đang hưởng trợ cấp TNLĐ, BNN hàng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

3.2 Đối tượng xét hưởng:

+ Con chưa đủ 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu bị suy giảm khả năng lao động (KNLĐ) từ 81% trở lên; con sinh ra sau khi người bố chết mà người vợ đang mang thai

+ Vợ (hoặc chồng), cha mẹ hai bên, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của Luật HNGĐ nếu từ đủ 60 tuổi đối với nam, từ đủ 55 tuổi đối với nữ.

+ Vợ (hoặc chồng), cha mẹ hai bên, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH có nghĩa vụ nuôi dưỡng dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ và suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên.

Thân nhân phải không có thu nhập hoặc có thu nhập hàng tháng nhưng thấp hơn lương cơ sở, không bao gồm khoản trợ cấp theo pháp luật ưu đãi người có công.

3.3. Thời điểm hưởng:

Từ tháng liền kề sau tháng mà người lao động, người hưởng lương hưu, trợ cấp MSLĐ, TNLĐ, BNN chết.

3.4. Số lượng thân nhân xét hưởng:

01 người chết => không quá 04 thân nhân.

từ 02 người chết => hưởng 2 lần mức trợ cấp nêu trên.

3.4. Mức hưởng hàng tháng:

Mỗi thân nhân = 50% mức lương cơ sở hoặc 70% mức lương cơ sở nếu không có người trực tiếp nuôi dưỡng.

Ví dụ: Bà Tr có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc 20 năm, có một con 5 tuổi. Hai vợ chồng bà Tr không may bị chết trong một vụ tai nạn giao thông. Con của bà Tr được hưởng trợ cấp tuất hằng tháng bằng 70% mức lương cơ sở.

4. Thời hạn đề nghị khám giám định mức suy giảm khả năng lao động để hưởng trợ cấp tuất hằng tháng như sau:

Trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày người tham gia bảo hiểm xã hội chết thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn đề nghị;

Trong thời hạn 04 tháng trước hoặc sau thời điểm thân nhân hết thời hạn hưởng trợ cấp theo quy định thì thân nhân có nguyện vọng phải nộp đơn đề nghị.

4. Chế độ tuất 1 lần:

4.1 Điều kiện:

- Người lao động đóng dưới 15 năm mà chưa nhận trợ cấp BHXH 1 lần.
- Người đang hưởng lương hưu, MSLĐ hàng tháng, trợ cấp theo NĐ 09/1998/NĐ-CP mà không có thân nhân đủ điều hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.
- Người đã nghỉ việc đang hưởng TNLĐ, BNN dưới 61%, CNCS, QĐ 91/2000/QĐ-TTg; QĐ 613/QĐ-TTg.
- Thân nhân thuộc diện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng theo quy định mà có nguyện vọng hưởng trợ cấp tuất một lần, trừ trường hợp con dưới 06 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng mà bị suy giảm KNLĐ từ 81% trở lên;
- Trường hợp không có thân nhân quy định tại khoản 6 Điều 3 của Luật này thì trợ cấp tuất một lần được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

4. Chế độ tuất 1 lần:

4.2 Đối tượng hưởng:

Thân nhân của người chết hoặc thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trường hợp không có thân nhân theo quy định thì chia theo pháp luật thừa kế.

Đối với trường hợp chọn hưởng tuất 1 lần thì tất cả các thân nhân hưởng tuất hàng tháng phải có biên bản họp thống nhất chọn hưởng tuất 1 lần.

4.3 Thời điểm hưởng:

Từ lúc cơ quan BHXH ra quyết định.

4.4. Mức hưởng:

Được tính theo số năm đã đóng bảo hiểm xã hội như sau:

a) 1,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng trước năm 2014;

b) 02 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội cho những năm đóng từ năm 2014 trở đi.

Người đang đóng hoặc đang bảo lưu chết mà thời gian đóng BHXH có tháng lẻ từ 1 đến 6 tháng: ½ năm; từ 7 đến 11 tháng: 1 năm.

Ví dụ: Ông T bị ốm chết, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2005 đến 3/2017. Ông T có mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội là 5.000.000 đồng/tháng. Ông T có 8 năm 03 tháng đóng BHXH ở giai đoạn trước ngày 01/01/2014; có 3 năm 03 tháng đóng BHXH ở giai đoạn từ ngày 01/01/2014 trở đi.

Mức trợ cấp tuất một lần đối với thân nhân của ông T được tính như sau (08 năm đóng trước năm 2014 và 3 năm 6 tháng đóng từ năm 2014 trở đi):

$[(8 \times 1,5) + (3,5 \times 2)] \times 5.000.000 \text{ đồng} = 95.000.000 \text{ đồng}.$

Đối với người đang hưởng lương hưu: nếu chết trong 2 tháng đầu hưởng lương hưu thì tính bằng 48 tháng lương hưu đang hưởng; nếu chết vào những tháng tiếp theo, cứ hưởng thêm 1 tháng lương hưu thì mức trợ cấp giảm đi 0,5 tháng lương hưu đang hưởng nhưng mức thấp nhất bằng 3 tháng lương hưu đang hưởng trước khi chết.

Mức hưởng trợ cấp tuất 1 lần đối với người đang hưởng lương hưu

$$= 48 \times L_h - (t - 2) \times 0.5 \times L_h$$

Chế độ hưu trí BHXH tự nguyện

1. Điều kiện: Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi đóng BHXH từ đủ 20 năm trở lên.

2. Tỷ lệ hưởng:

Từ 01/01/2016 – 31/12/2017: tỷ lệ lương hưu vẫn giữ nguyên theo quy định của Luật BHXH năm 2006.

Từ 01/01/2018: tỷ lệ lương hưu tính như sau:

Lao động	Từ	Số năm đóng BHXH	Tỷ lệ hưởng lương hưu			
			Tỷ lệ tương ứng	Tỷ lệ thêm 1 năm	Tỷ lệ tối đa	
Nam	2016	15	45%	2%	75%	
Nữ				3%		
Nam	2018	16		45%		75%
	2019	17				
	2020	18				
	2021	19				
2022			2%			

3. Đối với người lao động trước đó có quá trình tham gia BHXH bắt buộc:

3.1 Thời gian tính hưởng chế độ hưu trí là tổng thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện.

3.2 Điều kiện hưởng lương hưu:

a) Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có thời gian tính hưởng chế độ hưu trí từ đủ 20 năm trở lên thì điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu là nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.

b) Trường hợp người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện có từ đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc trở lên thì điều kiện về tuổi đời hưởng lương hưu được thực hiện như người có toàn bộ thời gian đóng BHXH bắt buộc.

3.3 Mức lương hưu:

Lương hưu = Mức bình quân tiền lương và thu nhập tháng đóng BHXH x tỷ lệ % lương hưu.

Mức bình quân tiền lương và thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội	Mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	Tổng các mức thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện
=			
	Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	+	Tổng số tháng đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện

Thời điểm hưởng lương hưu:

- Hội tháng liền kề tháng đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định.
- Trường hợp đóng một lần cho những năm còn thiếu để đủ điều kiện hưởng lương hưu thì thời điểm hưởng lương hưu được tính từ tháng liền kề sau tháng đóng đủ số tiền cho những năm còn thiếu.



XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN.